



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 2 tháng 9

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.
2. Địa chỉ: Số 329, tổ 2, KP21, phường Long Bình, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế: 305.000 m³/ngày đêm.

Tổng số dân được cung cấp nước: ...

4. Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Đồng Nai.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 28 tháng 09 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 24 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường Tân Triều – Đường Hồ Hòa, phường Tân Triều.	Tăng áp KCN Biên Hòa II - KCN Biên Hòa 2, phường Trăn Biên.	Nhà dân – Đường Mạc Đĩnh Chi, phường Trăn Biên.	Đầu vào KCN Hồ Nai – Phường Hồ Nai.	Đồng hồ điện từ D500, KCN Amata, phường Long Bình.	Trụ cứu hỏa số 1, KCN Loteco, phường Long Bình.	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/ không đạt)
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.47	0.57	0.51	0.56	0.57	0.78	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.53	0.19	0.38	0.17	0.04	0.04	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	1.55	0.74	1.04	0.67	0.37	0.30	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.81	6.73	6.78	6.83	6.67	6.68	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.52	0.65	0.77	0.58	0.71	0.65	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trần Biên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

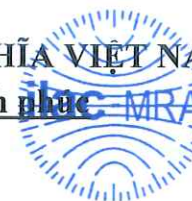
TUQ. GIÁM ĐỐC
PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC



Đặng Thị Tâm

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 2 tháng 9

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Biên Hoà.
2. Địa chỉ: Số 48 đường Cách mạng tháng 8, phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế: 36.000 m³/ngày đêm.
Tổng số dân được cung cấp nước: ...
4. Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Đồng Nai.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 28 tháng 09 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:
 - 8 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
 - Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu						
	Các thông số	Bể chứa CNCN Biên Hòa – Số 48, CMT8, phường Trần Biên.	Trạm xăng dầu quốc dân 3 – Đường Nguyễn Du, phường Trần Biên.	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai - Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trần Biên.	Công an phường Trần Biên – đường 30/4, phường Trần Biên.	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/ không đạt)
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.80	0.30	0.30	0.60	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.73	0.48	0.95	0.48	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	2.00	1.33	2.74	1.55	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.84	6.93	6.96	6.70	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.64	0.64	0.58	0.58	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	1	Đạt

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	Nhà dân – Số 56 Trần Công An, phường Trần Biên.	Nhà dân – Số 68 Nguyễn Văn Trị, phường Trần Biên.	Nhà dân – Đường Đặng Văn Tron, phường Trần Biên.	Nhà dân – Số 44/3, KP4, đường Võ Thị Sáu, phường Trần Biên.	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/ không đạt)
	Các thông số						
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.26	0.43	0.50	0.53	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.30	0.27	0.29	0.43	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.81	0.81	0.89	0.96	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.82	6.79	6.93	6.70	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.65	0.71	0.52	0.52	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trần Biên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC



Đặng Thị Tâm

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 2 tháng 9

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Long Bình.
2. Địa chỉ: Tổ 8, KP22, phường Long Bình, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế:
 - Trạm Long Bình: 36.000 m³/ngày đêm. Tổng số HGD được cung cấp nước: ...
 - Khu xử lý Vĩnh An: 10.000 m³/ngày đêm. Tổng số HGD được cung cấp nước: ...
4. Nguồn nước nguyên liệu:
 - Trạm Long Bình sử dụng nước mặt sông Đồng Nai.
 - Khu xử lý Vĩnh An sử dụng nước hồ Trị An.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 28 tháng 09 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:
 - 5 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
 - Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	Bể chứa CNCN Long Bình - Tổ 8, KP22, phường Long Bình.	Nhà dân – Đường Huỳnh Dân Sanh, phường Long Bình.	Tăng áp Thiện Tân 2 - Đường Điều Xiển, phường Long Bình.	UBND phường Hố Nai (cơ sở 1) – Số 386 QL1A, phường Hố Nai.	Trạm y tế Tân Biên – Đường QL1A, KP5, phường Long Bình.	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/ không đạt)
	Các thông số							
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.50	0.30	0.55	0.37	0.32	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.53	0.16	0.15	0.79	0.73	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.59	1.11	0.81	2.22	1.85	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.92	6.88	7.00	6.78	6.92	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.51	0.71	0.71	0.52	0.65	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trần Biên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC



Đặng Thị Tâm



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 2 tháng 9

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Thanh Phú.
 2. Địa chỉ: Khu phố Thiện Tân, phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai.
 3. Công suất thiết kế: 15.000 m³/ngày đêm.
- Tổng số HGD được cung cấp nước: ...
4. Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Đồng Nai.
 5. Thời gian kiểm tra: ngày 28 tháng 09 năm 2026
 6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai
 7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:
 - 5 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
 - Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	Bể chứa CNCN Thanh Phú – KP. Thiện Tân, phường Trảng Dài.	Nhà dân - ấp Bình Chánh, xã Tân An.	Nhà dân – khu phố Tân Phú, phường Tân Triều.	Nhà dân – khu phố Thanh Phú, phường Tân Triều.	Nhà dân – tổ 33, khu phố 3, phường Trảng Dài	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/ không đạt)
	Các thông số							
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.71	0.80	0.53	0.30	0.38	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.85	0.85	0.86	0.69	0.71	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	2.15	2.96	3.18	1.70	4.51	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.71	6.69	6.68	6.96	6.66	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.58	0.52	0.71	0.84	0.97	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trần Biên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC
PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC



Đặng Thị Tâm